

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 5 - 2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN – TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Dũng

Bà Nguyễn Thị Lựu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Việt Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 30/5/2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1992.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1982

Đều ĐKKHKT: T, phường Th, thị xã K, tỉnh H. Anh T có mặt, chị B vắng mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng: 1. Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1962; Địa chỉ: T, phường Th, thị xã K, tỉnh H

2. Bà Vũ Thị Đ, sinh năm 1955; Địa chỉ: Thôn 4, xã V, huyện N, tỉnh H

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 02 năm 2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị B kết hôn với nhau vào ngày 16 tháng 02 năm 2016 được đăng ký kết hôn tại UBND phường Th, thị xã K, tỉnh H trên tinh thần tự nguyện. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, mỗi người

có quan điểm, lối sống riêng, tranh chấp căng thẳng, vợ chồng không có tiếng nói chung, nên anh chị đã tự sống ly thân, mặc dù anh chị đã được gia đình đôi bên động viên khuyên bảo. Ngày 25 tháng 02 năm 2025 anh chị cùng ký đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn giải quyết việc ly hôn. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mâu thuẫn giữa đôi bên không thể hàn gắn được, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị Bích.

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, chị B không có mặt theo giấy triệu tập. Tòa án tiến hành làm việc tại gia đình chị B thì bà Vũ Thị Đ (mẹ chị B) xác định cụ thể như sau: Chị Nguyễn Thị B kết hôn cùng anh Nguyễn Văn T vào ngày 16 tháng 02 năm 2016 được đăng ký kết hôn tại UBND phường Th, thị xã K, tỉnh H trên tinh thần tự nguyện. Sau ngày cưới vợ chồng chị B chung sống tại gia đình anh T, thỉnh thoảng chị B về thăm bà, quá trình đó chị B có trao đổi do bất đồng với nhau về quan điểm sống nên chị B và anh T đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, do vậy chị B và anh T đã cùng ký đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn giải quyết việc ly hôn. Nay do điều kiện công việc, chị B không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án được, nên chị B đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh T và chị B có một con chung là cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 02/01/2017, hiện cháu đang ở cùng với anh T. Nay ly hôn anh T đề nghị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu và tự nguyện không yêu cầu chị B cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Cháu Toàn có nguyện vọng được ở với anh T. Bà Đ (mẹ chị B) xác định quan điểm của chị B nhất trí.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh T và gia đình chị B xác định vợ chồng không có gì, nên anh T và gia đình chị B đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Th cung cấp: Anh T và chị B kết hôn ngày 16 tháng 02 năm 2016, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Th, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn, hiện anh chị đã tự sống ly thân. Nay anh T đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn thì địa phương đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án tiến hành tra cứu, tại Công văn số 5808/QLXNC ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an cung cấp: Theo dữ liệu Cục quản lý xuất nhập cảnh quản lý, Nguyễn Thị B, sinh ngày 27/4/1982, xuất nhập cảnh nhiều lần, lần gần nhất xuất cảnh ngày 28/2/2025 qua cửa khẩu Móng Cái bằng hộ chiếu P03485431, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tòa án tiến hành làm việc cùng bà Nguyễn Thị Q (mẹ anh T), cũng trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh T.

Tại phiên tòa hôm nay, anh T có mặt và giữ nguyên nội dung như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện VKSND thị xã Kinh Môn phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Đối với các đương sự cũng đã cơ bản chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết, đề nghị: áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị Bích. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 02/01/2017 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu cấp dưỡng. Về chia tài sản: Không có gì, đôi bên không yêu cầu, nên không đặt ra việc giải quyết trong vụ án; Về án phí: Anh T phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của anh Nguyễn Văn T đối với chị Nguyễn Thị Bcó đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Th, thị trấn Kinh Môn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết chị Nguyễn Thị B không có mặt, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Do vậy, TAND thị xã Kinh Môn áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị B là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T kết hôn với chị Nguyễn Thị B trên tinh thần tự nguyện, được đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét nguyên nhân gây mâu thuẫn dẫn tới việc anh T đề nghị xin ly hôn chị Bích, chủ yếu là do đôi bên có sự bất đồng với nhau về quan điểm sống, hai bên không có tiếng nói chung, nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Năm 2018, anh T và chị B đã tự sống ly thân, tại đơn khởi kiện anh chị cùng ký đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn. Tại phiên tòa anh T vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn, chị B nhất trí ly hôn và đề nghị xét xử vắng mặt. Những điều đó, chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không thành, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T. Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị B là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị B có một con chung là cháu Nguyễn Văn Toàn, sinh ngày 02/01/2017. Xét nguyện vọng nuôi dưỡng con chung của anh T, cũng như xác định của gia đình chị B phù hợp với điều kiện thực tế nuôi dưỡng cháu của anh T cùng phù hợp với nguyện vọng của

cháu Toàn. Do vậy, cần chấp nhận giao cháu Toàn cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu Toàn là phù hợp.

[4] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu, nên chấp nhận.

[5] Về chia tài sản: Theo anh T vợ chồng không có tài sản và công nợ chung, nên chị Phương không yêu cầu Tòa án giải quyết. Gia đình chị B cũng xác định không có gì, nên không đặt ra việc giải quyết trong vụ án là phù hợp.

Nếu sau này đôi bên đương sự có đơn yêu cầu giải quyết về việc chia tài sản thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án thì anh T phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. **T xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Bích.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn Toàn, sinh ngày 02/01/2017 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Không đặt ra việc giải quyết.

Nếu sau này đôi bên đương sự có đơn yêu cầu giải quyết về việc chia tài sản thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số: 0007177 ngày 25/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn. Anh T đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T án. Chị Nguyễn Thị B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị Kinh Môn;
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn (UBND phường Th số 05/2016);
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ ,VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiền

